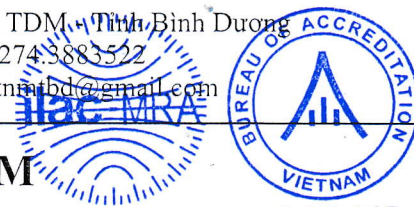
	CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG TRUNG TÂM QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC	
	ĐC: Số 138 - Đường Lý Tự Trọng - P. Phú Thọ - Tp. TDM - Tỉnh Bình Dương ĐT TTQLCLN: 0274.3883522 – Fax: 0274.3883522 Website: www.biwase.com.vn Email: ptnctnmhdc@gmail.com	



BẢNG KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu: **NC 01/09.06.2025**

Ngày phát hành kết quả: 14/06/2025

- Tên khách hàng: **Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một**
- Tên mẫu: **Nước sau xử lý - Bể chứa Bàu Bàng**
- Địa chỉ: **Ấp 5, xã Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, T. Bình Dương.**
- Ngày lấy mẫu: **09/06/2025** Ngày phân tích: **09/06/2025**
- Tình trạng mẫu: **Mẫu chứa trong 2 bình 1L và chai thủy tinh khử trùng 500mL, nước trong, không màu.**

Số TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 01-1:2018/BYT	Kết quả thử nghiệm
1	Coliform tổng*	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	< 3	0
2	E. coli*	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	< 1	0
3	Staphylococcus aureus	CFU/100mL	SMEWW 9213-B:2023	< 1	0
4	Pseudomonas aeruginosa*	CFU/100mL	TCVN 8881:2011	< 1	0
5	Clo dư	mg/L	SMEWW 4500-CI:2023	0,2 – 1,0	0,55
6	Độ đục*	NTU	SMEWW 2130-B:2023	≤ 2	0,21
7	Độ màu	Pt-Co	TCVN 6185:2015	≤ 15	0
8	Mùi vị	-	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
9	Độ pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	7,35
10	Hàm lượng Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺)* (tính theo N)	mg/L	HACH Method 8038	≤ 0,3	0,08
11	Chỉ số Pecmanganat*	mgO ₂ /L	TCVN 6186:1996	≤ 2	0,32
12	Hàm lượng Clorua (Cl ⁻)*	mg/L	SMEWW 4500-B:2023	≤ 250	8
13	Hàm lượng Đồng (Cu)	mg/L	HACH Method 8506+8026	≤ 1	0,02
14	Độ cứng tổng cộng	mg/L CaCO ₃	SMEWW 2340-C:2023	≤ 300	26
15	Hàm lượng Kẽm (Zn)	mg/L	HACH Method 8009	≤ 2	0,02

Số TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 01-1:2018/BYT	Kết quả thử nghiệm
16	Hàm lượng Mangan (Mn)*	mg/L	HACH Method 8149	$\leq 0,1$	KPH (LOD = 0,02)
17	Hàm lượng Nhôm (Al)*	mg/L	HACH Method 8012	$\leq 0,2$	0,14
18	Hàm lượng Nitrate (NO_3^-) (tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-B:2023	≤ 2	0,35
19	Hàm lượng Nitrit (NO_2^-)* (tính theo N)	mg/L	TCVN 6178-1996	$\leq 0,05$	KPH (LOD = 0,01)
20	Hàm lượng Sắt tổng (Fe_{tc})*	mg/L	HACH Method 8008	$\leq 0,3$	0,02
21	Hàm lượng Sunphate (SO_4^{2-})	mg/L	SMEWW 4500-E:2023	≤ 250	3,59
22	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	Đầu dò cảm biến	≤ 1000	43

* **Nhận xét:** Mẫu nước có các thông số phân tích phù hợp QCVN 01-1:2018/BYT.

* **Ghi chú:**

+ QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

+ KPH: Không phát hiện.

+ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử tại thời điểm thử.

+ Thời gian lưu mẫu 3 ngày kể từ ngày trả kết quả.

+ (*): Chỉ tiêu được VILAS công nhận.

Quản lý chất lượng



Trần Thanh Trúc



Mai Thị Đẹp